

CÁCH TIẾP CẬN TRONG NGHIÊN CỨU, ĐO LƯỜNG SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG XÃ HỘI^(*)

Phạm Thị Thu Phương

Phan Thị Song Thương

Hạ Thị Thu Thủy

Tóm tắt: Nghiên cứu về phát triển bền vững (PTBV) và các chỉ tiêu đo lường PTBV dành được nhiều sự quan tâm của các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách và các tổ chức phát triển. PTBV xã hội, với tư cách một trong trong những chiều cạnh của PTBV cũng đang dần có được sự quan tâm ngang bằng so với khía cạnh kinh tế và môi trường. Tuy nhiên, việc tìm ra một cách tiếp cận hợp lý và một khung lý thuyết vững chắc làm căn cứ cho những nghiên cứu về PTBV xã hội vẫn đang được thảo luận. Bài viết dưới đây tổng quan một số cách tiếp cận trong nghiên cứu PTBV xã hội, từ đó đề xuất cách tiếp cận và lý thuyết phù hợp trong đo lường PTBV xã hội.

Từ khóa: Cách tiếp cận; Đo lường; Lý thuyết; Phát triển bền vững xã hội.

Mở đầu

Nghiên cứu về phát triển bền vững (PTBV) và các chỉ tiêu đo lường PTBV dành được nhiều sự quan tâm của các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách và các tổ chức phát triển. PTBV nói chung có lịch sử phát triển lý thuyết và cách tiếp cận tương đối dài, với tiền đề của Malthus năm 1789 về sự phát triển cấp số nhân của dân số và sự thiếu hụt tài nguyên thiên nhiên; hay lý thuyết về giới hạn của sự tăng trưởng của Meadows vào năm 1972, cũng như nhận được sự công nhận của Ủy ban Môi trường và Phát triển thế giới trong Báo cáo “Tương lai chung của chúng ta” vào năm 1987.

Được biết đến với các khía cạnh chính là kinh tế, môi trường, xã hội và đôi khi cả thể chế, nhưng PTBV thường được đo lường ở khía

cạnh kinh tế và môi trường. Về mặt lịch sử, PTBV là một khái niệm bắt nguồn từ kinh tế học và những thảo luận xung quanh mối quan hệ giữa sự phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Ngay cả trong định nghĩa của báo cáo “Tương lai chung của chúng ta”, khía cạnh môi trường và kinh tế cũng được thể hiện rõ nét hơn hẳn so với khía cạnh xã hội.

Trong thực tế, một số chỉ số PTBV xã hội đang sử dụng khái niệm xã hội với nghĩa chung nhất, bao trùm các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường (chẳng hạn Sustainable Society Index - SSI). PTBV xã hội cũng có thể được sử dụng như là một trụ cột, cùng với kinh tế và môi trường, trong khái niệm chung PTBV. Trong một số nghiên cứu, tính bền vững xã hội bao gồm các khái niệm về công bằng, trao quyền,

vững xã hội cấp tỉnh - Thử nghiệm ở một số tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng”.

^(*)Bài viết trong khuôn khổ đề tài cấp Bộ “Luận cứ khoa học để hoàn thiện và ứng dụng bộ chỉ tiêu phát triển bền

khả năng tiếp cận, sự tham gia, bản sắc văn hóa và sự ổn định của thể chế. Như vậy, bền vững về mặt xã hội cũng có nghĩa là lấy con người làm trung tâm và chú trọng đến sự phát triển của con người trong xã hội (Daly, 1992; Benaim và Raftis, 2008). Farazmand (2016) cho rằng, tính bền vững xã hội liên quan đến liên hệ giữa các điều kiện xã hội như đói nghèo và sự tàn phá môi trường. Do đó, giảm nghèo không nên kéo theo sự tàn phá môi trường không đáng có, cũng như kéo theo sự bất ổn về mặt kinh tế, mà cần chú trọng tới cơ sở kinh tế, tài nguyên và môi trường hiện có của xã hội (Kumar, Raizada, & Biswas, 2014; Scopelliti và cộng sự, 2018).

Mặc dù đã có nhiều tranh luận về PTBV xã hội, nghiên cứu về vấn đề này thời gian vừa qua chưa bắt nguồn và dựa vào một quan điểm lý thuyết chắc chắn (Deeming & Smyth, 2018). Littig & Griessler, (2005), trước đó, cũng cho rằng, các cách tiếp cận đối với khái niệm bền vững xã hội không dựa trên lý thuyết mà dựa trên hiểu biết thực tế về quản lý xã hội và các chương trình nghị sự chính trị hiện nay.

Bài viết dưới đây sơ lược một số cách tiếp cận và lý thuyết trong nghiên cứu PTBV xã hội, từ đó chỉ ra một số chiều cạnh để đo lường PTBV xã hội, một chủ đề cần được nghiên cứu như một trụ cột độc lập tương đối.

1. Khái niệm phát triển bền vững xã hội

Khái niệm bền vững xã hội (social sustainability) được nhắc tới trong nghiên cứu của Saisana và Philippas (2012), theo đó, một xã hội bền vững là một xã hội 1) đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại; 2) không làm tổn hại đến thế hệ tương lai trong việc đáp ứng nhu cầu của họ; 3) mỗi người đều có cơ hội để phát triển tự do, trong một xã hội cân bằng và hài hòa với môi trường xung quanh (Saisana & Philippas, 2012). Định nghĩa này của các tác giả sử dụng cách tiếp cận chung của phát triển bền vững. Theo đó, hiện trạng bền vững xã hội tích

hợp sự công bằng (theo chiều ngang) trong tiếp cận với các dịch vụ quan trọng (y tế, giáo dục, giao thông, nhà ở, và giải trí) cũng như sự công bằng (theo chiều dọc) giữa các thế hệ, theo đó thế hệ tương lai sẽ không bị bất lợi bởi những hoạt động của thế hệ hiện tại. Cũng cần nhấn mạnh, theo nghĩa này, PTBV xã hội thể hiện trạng thái của xã hội mà ở đó giúp duy trì và cải thiện tình trạng phúc lợi của thế hệ hiện tại lẫn tương lai.

Woodcraft (2015) lại cho rằng, phát triển bền vững xã hội là quá trình tạo ra một nơi ổn định, thành công thúc đẩy sự thịnh vượng, bằng cách thấu hiểu những gì con người cần ở nơi họ đang sống và làm việc. Bền vững xã hội kết hợp những thiết kế về mặt cơ sở vật chất với mặt xã hội, gồm cơ sở hạ tầng để hỗ trợ đời sống xã hội và văn hóa, các tiện nghi xã hội, những hệ thống đảm bảo cho sự tham gia của con người và không gian để con người có thể phát triển (Woodcraft, 2015).

Đề tài sử dụng tích hợp định nghĩa của các tác giả trên về phát triển bền vững xã hội trong nghiên cứu này, tức là chú trọng tới cả tính trạng thái cũng như tính quá trình của khái niệm, trong đó đặc biệt chú trọng tính bền vững xã hội được thể hiện thông qua các mối quan hệ xã hội. Bên cạnh đó, những đặc điểm khác của phát triển bền vững trong các định nghĩa từ các chuyên ngành khác cũng được xem xét.

Định nghĩa khái niệm PTBV xã hội có thể phát biểu ngắn gọn và khái quát trong phạm vi bài viết này như sau: Phát triển bền vững xã hội (hay tính bền vững xã hội) là một trạng thái xã hội mà ở đó con người được sống trong một xã hội có chất lượng, hài hòa với môi trường xung quanh; mỗi người đều có cơ hội phát triển bản thân cũng như tham gia vào quá trình phát triển xã hội một cách công bằng, duy trì và cải thiện phúc lợi cho thế hệ hiện tại và tương lai.

Định nghĩa trên đề cập tới một xã hội có chất lượng, nghĩa là nhấn mạnh đến một xã hội mà các thành viên trong đó đánh giá là một xã hội tốt, với các tiêu chuẩn, đặc điểm mà con người đề ra. Định nghĩa này cũng hàm ý rằng, mặc dù các xã hội đều đề cao mục tiêu phát triển vì con người, quan niệm về một xã hội chất lượng mang tính tương đối và có thể có sự khác biệt theo trình độ phát triển, đặc điểm văn hóa, vùng miền.

2. Cách tiếp cận trong nghiên cứu phát triển bền vững xã hội

Bền vững xã hội như một trong những trụ cột độc lập, tách biệt của phát triển bền vững

Bền vững về mặt xã hội với tư cách là một trong những trụ cột độc lập của PTBV, tách biệt hẳn với 2 trụ cột kinh tế và môi trường là một cách tiếp cận phổ biến nhất trong nghiên cứu về PTBV xã hội thời gian vừa qua (Boyer et al., 2016). Theo tiếp cận này, khi trụ cột xã hội đứng riêng biệt thì không thể có ảnh hưởng, tác động hoặc bất cứ tương tác nào đối với các trụ cột khác. Nhìn từ tổng thể PTBV nói chung, theo tiếp cận này, PTBV xã hội cùng với PTBV về kinh tế và môi trường không có mối liên hệ, tương tác nào.

Bền vững xã hội như một hạn chế/ràng buộc đối với bền vững về môi trường, kinh tế

Tính bền vững xã hội cũng có thể được xem như sự hạn chế đối với các yêu cầu cấp thiết về kinh tế và môi trường. Theo tiếp cận này, mỗi trụ cột được thực hiện đồng nghĩa với việc phải hi sinh một phần trụ cột còn lại. Chẳng hạn, khi ưu tiên phát triển kinh tế, trụ cột về môi trường và xã hội phải chịu sự cản trở (Boyer et al., 2016). Sẽ không có sự thỏa hiệp hay “cùng được” trong mối quan hệ giữa ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường.

Bền vững xã hội là một điều kiện tiên quyết cho bền vững về môi trường và kinh tế

Dựa trên ý tưởng rằng các trụ cột xã hội, môi trường và kinh tế tương tác với nhau, ở một khía cạnh khác, tính bền vững xã hội được hiểu là nguồn vốn xã hội và đóng vai trò là nền tảng, là điều kiện tiên quyết cho sức khỏe kinh tế và môi trường, và thậm chí có thể bù đắp cho những thiếu sót trong vốn kinh tế hoặc sinh thái (Boyer et al., 2016). Theo đó, vốn xã hội được xem là mạng lưới, chuẩn mực và lòng tin tạo điều kiện cho sự phối hợp và hợp tác vì lợi ích chung (Putnam và cộng sự, 1993) và là điều kiện cần cho PTBV kinh tế và môi trường.

Bền vững xã hội là một tác nhân dẫn đến những thay đổi của kinh tế và môi trường

Một quan điểm khác cho rằng, bền vững xã hội chính là nguyên nhân, là động lực cho sự thay đổi về môi trường và kinh tế, chứ không chỉ là nền tảng. Quan điểm này cũng cho rằng, các vấn đề về môi trường không chỉ là vấn đề thuộc về công nghệ, mà suy cho cùng là các vấn đề xã hội. Đồng thời, sự thay đổi về công nghệ cũng không thể tách rời khỏi sự thay đổi của xã hội. Quá trình PTBV sẽ bắt đầu từ bền vững về xã hội, dẫn tới bền vững về kinh tế và môi trường. Sau đó, bền vững về kinh tế và môi trường sẽ trực tiếp dẫn tới sự PTBV nói chung (Boyer et al., 2016).

Bền vững xã hội trong quá trình phát triển bền vững của địa phương nói chung

Một cách tiếp cận khác tìm hiểu các chiều cạnh kinh tế, xã hội và môi trường tích hợp trong bối cảnh PTBV nói chung. Cách tiếp cận này cố gắng chuyển đổi sang quan điểm tích hợp về tính bền vững, cho rằng các mối quan tâm về kinh tế, môi trường và xã hội có sự giao thoa và tương tác với nhau. Do đó, quan điểm này không tách biệt sự tồn tại của tính bền vững xã hội mà khuyến khích xem xét các vấn đề kinh tế và môi trường theo bối cảnh xã hội, sự tham gia của cộng đồng và đóng góp của mỗi cá nhân vào trong quá trình PTBV.

Mặc dù có tới 5 cách tiếp cận đối với PTBV xã hội, cả 5 cách tiếp cận đều cố gắng tìm hiểu mối quan hệ giữa bền vững xã hội, bền vững về kinh tế và môi trường ở những góc nhìn khác nhau, và đồng thời, cố gắng làm nổi bật những vấn đề xã hội cần giải quyết để đạt tới mục tiêu PTBV xã hội nói riêng và PTBV nói chung. Không có cách tiếp cận nào ưu việt nhất bởi mỗi cách tiếp cận giải quyết những vấn đề khác nhau. Mặc dù vậy, trong khi PTBV xã hội chưa nhận được nhiều sự quan tâm nghiên cứu thỏa đáng, bài viết cho rằng, trước hết cần xem xét PTBV xã hội như một trụ cột độc lập tương đối. Độc lập tương đối có nghĩa cần xem xét PTBV xã hội một cách đầy đủ, toàn diện trong tính chỉnh thể của nó, đồng thời PTBV xã hội cần được đặt trong tổng thể chung của PTBV, có quan hệ tác động qua lại, thậm chí giao thoa với các trụ cột PTBV kinh tế và môi trường. Khi nghiên cứu PTBV xã hội là một trụ cột độc lập tương đối, tạm thời PTBV được khu biệt để nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ nhất. Với yêu cầu như vậy, một số lý thuyết sau đây được đề xuất như là những lý thuyết cơ sở.

2. Cơ sở lý thuyết về phát triển bền vững xã hội

2.1. Lý thuyết nhu cầu (động lực con người)

Abraham Maslow (1943), nhà tâm lý học người Mỹ đã đưa ra lý thuyết về động lực con người (theory of human motivation), nay thường được dùng là lý thuyết nhu cầu với quan điểm chính tập trung vào phân loại các nhu cầu của con người, thứ bậc của các loại nhu cầu này (tháp nhu cầu: nhu cầu sinh lý, an toàn, yêu thương, được công nhận, tự hoàn thiện) cũng như mối quan hệ giữa nhu cầu và động lực hành động. PTBV xã hội vì con người suy cho cùng cũng nhằm mang lại một xã hội đáp ứng được các nhu cầu của con người và làm cho họ cảm thấy hài lòng, hạnh phúc.

Quá trình thao tác hóa khái niệm PTBV xã hội dựa trên những nghiên cứu đi trước đã gợi ý 4 chiều cạnh chính trong PTBV xã hội, đó là an toàn về kinh tế, liên kết xã hội, trao quyền xã hội và hòa nhập xã hội. Xét theo tháp nhu cầu của Maslow, các chiều cạnh của PTBV xã hội là điều kiện để tất cả các loại nhu cầu tương ứng của con người được thỏa mãn. Chiều cạnh an toàn về kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý (physiological needs) và nhu cầu an toàn (security). Sự an toàn về kinh tế đồng nghĩa với việc con người có đủ nguồn lực cho nhu cầu cơ bản gồm ăn, mặc, ở. Bên cạnh đó, cảm giác an toàn của con người cũng thể hiện nhu cầu thứ hai trong tháp nhu cầu.

Chiều cạnh liên kết xã hội giúp thỏa mãn nhu cầu yêu thương (love and belonging) bởi chỉ thông qua các liên kết xã hội với người thân và cộng đồng, con người mới có cảm giác thuộc về, gắn bó với cộng đồng của mình, được yêu thương và cùng chia sẻ những giá trị và những mối quan tâm chung. Không một ai sống cô độc một mình, không có liên kết với thế giới xung quanh lại có được tình yêu thương.

Chiều cạnh hòa nhập xã hội góp phần thực hiện nhu cầu được tôn trọng của con người (self-esteem). Mỗi cá nhân đều mong muốn là thành viên của cộng đồng mình đang sinh sống và làm việc, là một chủ thể của “cái xã hội” mà mình đang theo đuổi. Nhu cầu được tôn trọng được hiểu như nhu cầu được công nhận và ghi nhận, tại gia đình, tại cộng đồng, tại nơi làm việc...

Chiều cạnh trao quyền xã hội tạo tiền đề để con người theo đuổi nhu cầu tự hoàn thiện (self-actualization). Theo đó, trao quyền xã hội nghĩa là xã hội tạo điều kiện, tạo môi trường và khuyến khích các cá nhân có được các năng lực và phẩm chất để họ có thể phát triển bản thân và tham gia vào quá trình phát triển xã hội. Nhu cầu tự hoàn thiện là nhu cầu cao nhất trong tháp nhu cầu, khi tất cả nhu cầu thấp hơn được đáp

ứng, con người có mong muốn là một phần trong quá trình thay đổi xã hội, mang lại xã hội tốt đẹp hơn cho mình và người khác, cho thế hệ của mình và tương lai. Một xã hội bao gồm rất nhiều những cá nhân được trao quyền như vậy sẽ đạt được PTBV xã hội theo đúng lý tưởng chung của nhân loại.

2.2. Lý thuyết vốn xã hội

Vốn xã hội được định nghĩa bởi Bourdieu (1986) là "tổng hợp các nguồn lực thực tế hoặc tiềm năng có liên quan đến việc sở hữu một mạng lưới bền vững các mối quan hệ quen biết hoặc thừa nhận lẫn nhau, ít nhiều đã được thể chế hóa". Tiền đề cơ bản của lý thuyết này là mạng lưới mang lại giá trị cho các thành viên của nó bằng cách cho phép họ tiếp cận các nguồn lực xã hội được tích hợp trong mạng lưới.

Trong mấy thập kỉ qua, lý thuyết vốn xã hội đã thu hút nhiều sự chú ý từ các nhà lý thuyết, các nhà hoạch định chính sách và các tổ chức dân sự như một công cụ để đánh giá và hiểu mối quan hệ giữa các mạng lưới xã hội và hành động tập thể. Nó đã được áp dụng vào nhiều chủ đề và bối cảnh khác nhau. Một biến số quan trọng của vốn xã hội là mức độ tin tưởng giữa các thành viên trong một mạng lưới xã hội. Có hai loại tin tưởng tồn tại trong mạng lưới xã hội: tin tưởng 'tổng quát', là sự tin tưởng giữa hai thành viên không quen biết trong mạng lưới xã hội và 'tin tưởng đặc biệt' được chia sẻ giữa bạn bè, người thân và những người quen biết nhau.

Lý thuyết vốn xã hội được xây dựng trên tiền đề rằng các cá nhân "bị nhúng" vào một mạng lưới quan hệ xã hội, những quan hệ xã hội này có ảnh hưởng đến các quyết định và hành động của họ, một khái niệm có thể được truy nguồn từ Karl Polanyi và sau đó là Granovetter (Granovetter, 1985). Mặt khác, các quan hệ xã hội này được coi là một loại vốn có thể giúp con người "mua" những lợi ích khác, đáp ứng nhu cầu cá nhân của họ. Chẳng hạn, các nghiên cứu

đã chỉ ra phần lớn những người di cư vì mục đích lao động đều có vốn xã hội tốt hơn so với những người không di cư. Quan hệ xã hội từ mạng lưới của mỗi cá nhân giúp họ có được thông tin, sự giúp đỡ, niềm tin... và dẫn tới quyết định di cư. Lý thuyết vốn xã hội cũng gợi ý rằng, quan hệ xã hội càng chặt chẽ, dựa trên sự tin tưởng chắc chắn thì lợi ích do vốn xã hội mang lại cũng nhiều hơn. Nói cách khác, chất lượng của mỗi quan hệ càng tốt thì vốn xã hội càng cao. Xét trong phạm vi PTBV xã hội, vốn xã hội của các cá nhân càng nhiều thì họ càng có nhiều nguồn lực để đáp ứng các nhu cầu của mình, nhiều cá nhân có vốn xã hội tốt thì sự liên kết và đoàn kết xã hội càng cao, con người có xu hướng hợp tác với nhau vì mục tiêu chung để xây dựng xã hội tốt đẹp hơn.

Bourdieu (1977) cung cấp một cách tiếp cận khác để hiểu sự tương tác giữa vốn xã hội vi mô và các cấu trúc vĩ mô. Trước hết, ở cấp độ vi mô, lý thuyết về vốn xã hội gợi ý rằng mức độ vốn xã hội cao (sự tin tưởng, giao tiếp, các chuẩn mực chung, v.v.) thường được chia sẻ trong và giữa các cộng đồng sẽ ảnh hưởng tích cực đến hiệu suất của các cấu trúc vĩ mô (ví dụ, chính quyền địa phương, cấp vùng và quốc gia), bởi vì có nhiều công dân có hiểu biết, tham gia và có tổ chức hơn. Điều ngược lại cũng đúng, mức độ vốn xã hội thấp ở cấp độ vi mô sẽ dẫn đến sự thiếu trách nhiệm giải trình ở cấp độ vĩ mô.

Cuối cùng, lý thuyết về vốn xã hội nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xem xét cả sự tương tác giữa các cấp độ xã hội vi mô và vĩ mô. Các nhà lãnh đạo cộng đồng và những người làm việc trong lĩnh vực này nên nỗ lực để thúc đẩy các mối quan hệ xã hội cởi mở hơn, củng cố lòng tin và trách nhiệm giải trình không chỉ trong các cộng đồng nhỏ lẻ mà còn trong việc xây dựng mối quan hệ giữa cộng đồng với các thể chế lớn hơn. Sự hợp tác và phối hợp giữa các cấp độ xã hội có thể giúp giải quyết những vấn đề về phát triển và tạo ra một môi trường xã

hội tích cực hơn, nơi cả cá nhân và tập thể có thể phát triển. Rõ ràng, với những luận giải này, lý thuyết vốn xã hội cung cấp một cách tiếp cận trong việc xác định và đo lường PTBV xã hội ở chỗ, vốn xã hội từ mạng lưới quan hệ của các cá nhân giúp củng cố lòng tin, dẫn tới nỗ lực và hành động xã hội vì mục tiêu chung, vốn xã hội tốt ở cấp vi mô cũng có tác động tích cực với môi trường xã hội vĩ mô, giúp xây dựng một xã hội phát triển mà ở đó cá nhân và các tập thể vừa được đáp ứng nhu cầu, vừa có cơ hội phát triển.

2.3. Lý thuyết chất lượng xã hội

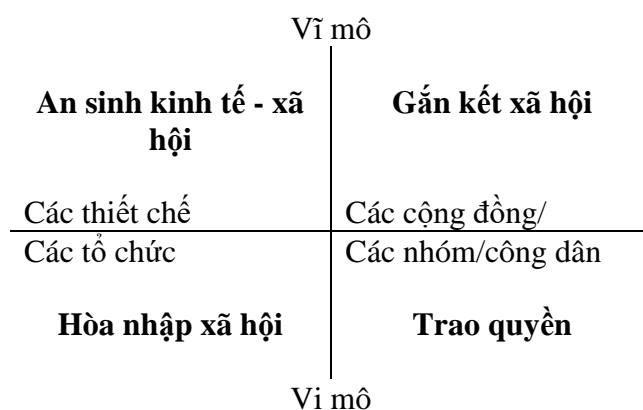
Lý thuyết vốn xã hội nhấn mạnh tới “cái xã hội” trong quá trình phát triển bền vững và chú trọng yếu tố đầu vào, tuy vậy lý thuyết này chưa đủ tính bao quát để cung cấp đầy đủ luận giải cho phát triển bền vững xã hội và nhận diện được các chiều cạnh của phát triển bền vững xã hội.

Trong gần 3 thập kỷ trở lại đây, lý thuyết chất lượng xã hội (Social quality theory) (Deeming & Smyth, 2018) đã bổ sung các luận cứ khoa học cho việc nghiên cứu PTBV xã hội nhìn từ cả yếu tố đầu vào và đầu ra, ở nhiều cấp độ khác nhau, đồng thời cũng hướng tới việc

giúp các địa phương, quốc gia đưa ra những chính sách nhằm xây dựng một môi trường xã hội có chất lượng cho các thành viên trong đó. Có thể thấy, lý thuyết chất lượng xã hội tích hợp và kế thừa có chọn lọc các nguyên lý và luận điểm cơ bản của lý thuyết nhu cầu và lý thuyết vốn xã hội, đồng thời đáp ứng nội hàm của khái niệm PTBV xã hội mà đề tài đã nêu, trong đó chỉ ra các chiều cạnh chính của khái niệm PTBV xã hội là mang lại một ‘xã hội chất lượng’/ ‘xã hội tốt’.

Các bàn luận và chiều cạnh về chất lượng xã hội có thể được khái quát hóa trong khung lý thuyết về chất lượng xã hội (Hình 1). Theo đó, PTBV xã hội là việc theo đuổi một xã hội đảm bảo các chiều cạnh an sinh kinh tế - xã hội, gắn kết xã hội, hòa nhập xã hội và trao quyền xã hội. Trong khung lý thuyết này, PTBV xã hội cần được xem xét ở cả cấp độ vĩ mô (địa phương, quốc gia) và vi mô (cộng đồng/cá nhân), ở các thiết chế khác nhau (tổ chức, nhóm, cá nhân), có cả yếu tố đầu vào (liên kết xã hội) và đầu ra (hòa nhập xã hội), có kết quả trong ngắn hạn (an sinh kinh tế - xã hội) lẫn tác động trong dài hơi (hòa nhập xã hội và trao quyền xã hội).

HÌNH 1. CÁC CẤP ĐỘ VÀ CHIỀU CẠNH CỦA CHẤT LƯỢNG XÃ HỘI



Nguồn: (Lin & Herrmann, 2015).

Những chiều cạnh được đề xuất bởi các nghiên cứu trên thế giới cho thấy sự đa dạng trong góc nhìn của lý thuyết chất lượng xã hội.

Các chiều cạnh bao gồm những yếu tố đầu vào (nguồn lực kinh tế - xã hội, vốn tự nhiên, con người, vốn xã hội...) và cả những yếu tố đầu ra

(sức khỏe, an toàn, sự thịnh vượng...). Hơn thế nữa, tiếp cận này còn cho thấy chất lượng xã hội theo quan điểm PTBV xã hội còn là một quá trình với những kết quả dài hơi hơn (outcomes) và những sự thay đổi lâu dài trong tương lai (impacts) khi đề cập tới các chiều cạnh như trao quyền xã hội, hòa nhập xã hội. Chỉ khi con người và cộng đồng đạt được sự trao quyền xã hội và được tham gia vào mọi quá trình phát triển thì con người mới là chủ thể tạo nên những thay đổi tích cực trong xã hội và mang lại PTBV xã hội.

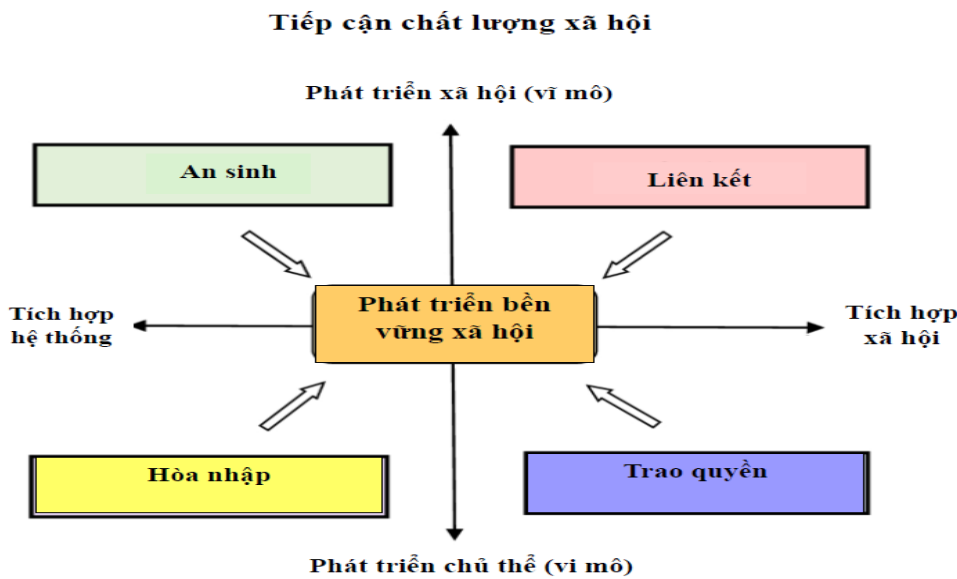
3. Đo lường phát triển bền vững xã hội

Theo các cách tiếp cận và lý thuyết nói trên, có thể xây dựng một bộ chỉ số để đo lường mức

độ PTBV xã hội nhằm đánh giá quá trình hướng tới mục tiêu PTBV về mặt xã hội trong thực tế, từ đó đưa ra các chính sách, chương trình, kế hoạch phù hợp. Vốn xã hội, công bằng, gắn kết cộng đồng, sức khỏe, văn hóa, giáo dục, an toàn và nhận thức về môi trường,... đều có thể gợi ý các biện pháp can thiệp nhằm tăng cường tính bền vững của xã hội. Việc tích hợp các chỉ số này vào quy hoạch và hoạch định chính sách là điều cần thiết để thúc đẩy các cộng đồng kiên cường và phát triển mạnh mẽ.

Từ cách tiếp cận của lý thuyết Chất lượng xã hội, có thể đưa ra một Khung lý thuyết về PTBV xã hội như sau:

HÌNH 2. KHUNG LÝ THUYẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG XÃ HỘI



Nguồn: Tổng hợp từ Lin & Herrmann (2015); Pieper và cộng sự (2019).

Theo đó, PTBV xã hội được đo lường ở bốn chiều cạnh cơ bản gồm: An sinh kinh tế - xã hội; Liên kết/gắn kết xã hội; Trao quyền xã hội; và Hòa nhập xã hội. Trong đó:

- An sinh kinh tế - xã hội: là sự đảm bảo quyền được tiếp cận việc làm, tiếp cận tài nguyên thiên nhiên, hàng hóa, dịch vụ... PTBV xã hội nhấn mạnh đến việc đáp ứng nhu cầu,

trước tiên là các nhu cầu về vật chất, việc làm, nhà ở, sức khỏe, an ninh, an toàn.

- Liên kết/gắn kết xã hội: thể hiện ở vốn xã hội của cá nhân, đảm bảo tính đoàn kết, các mối quan hệ quan tâm chăm sóc, sự tin tưởng và hợp tác, cùng với sự tham gia và thể hiện bản thân (Pieper et al., 2019). Liên kết xã hội phân ánh nguồn lực đầu vào của các chủ thể trong xã hội,

đồng thời cũng thể hiện yếu tố môi trường, bối cảnh xã hội giúp thúc đẩy hay hạn chế các mối liên kết. Trong khi đó, gắn kết xã hội bao gồm sự ý thức về mục đích, sự tin tưởng và sẵn sàng hợp tác trong và giữa các nhóm và với chính quyền vì lợi ích chung. Các xã hội gắn kết có thể được tìm thấy trong nhiều bối cảnh khác nhau như giàu hay nghèo, hòa bình hay xung đột (Cuesta và cộng sự, 2024).

- Trao quyền xã hội là sự đảm bảo cơ hội và tăng cường khả năng ảnh hưởng đến việc ra quyết định, cũng như đạt được mục tiêu một cách hiệu quả; tập trung vào sức khỏe, kỹ năng, kiến thức, quyền tự chủ và sự phân bổ quyền lực (Pieper và cộng sự, 2019). Trao quyền xã hội chịu tác động bởi năng lực quản trị của chính quyền. Năng lực quản trị hiệu quả và

minh bạch sẽ đảm bảo cơ hội và tăng quyền tiếp cận và tham gia của người dân và các chủ thể vào quá trình phát triển.

- Hòa nhập xã hội là việc đảm bảo quyền con người và xã hội, bình đẳng và pháp quyền trong khi tôn trọng sự đa dạng văn hóa và thúc đẩy việc theo đuổi trách nhiệm đối với mục tiêu cá nhân và tập thể; tập trung vào giá trị, quyền lợi, lòng khoan dung, bản sắc xã hội và các thể chế có tính đáp ứng (Pieper và cộng sự, 2019). Hòa nhập xã hội thể hiện cụ thể ở các vấn đề như tiếp cận quyền công dân, lao động việc làm, tham gia các dịch vụ công, dịch vụ giáo dục, y tế hay tham gia chính trị. Các chiều cạnh của phát triển bền vững xã hội sẽ được thể hiện trong Bảng 1.

BẢNG 1. CÁC CHIỀU CẠNH CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG XÃ HỘI

<p>An sinh kinh tế - xã hội</p> <p>Nguồn lực tài chính Nhà ở và Môi trường Y tế và chăm sóc Việc làm An toàn</p>	<p>Liên kết/kết nối xã hội</p> <p>Niềm tin & sự đoàn kết Các chuẩn mực và giá trị Mạng lưới xã hội/vốn xã hội Bản sắc</p>
<p>Hòa nhập xã hội</p> <p>Quyền công dân, quyền khác Thị trường lao động Dịch vụ công Dịch vụ giáo dục Dịch vụ y tế Tham gia chính trị</p>	<p>Trao quyền xã hội</p> <p>Nền tảng tri thức/giáo dục Nơi làm việc Sự hỗ trợ của các thiết chế Quản trị của chính quyền</p>

Nguồn: Tổng hợp từ Asadollahi et al., (2011) và Maesen & Walker (2012).

Kết luận

Dựa trên tổng quan các tài liệu nghiên cứu, bài viết đã đưa ra khái niệm tổng quát về PTBV xã hội, là tiền đề cho việc thao tác hóa khái niệm

trung tâm thành những chiều cạnh khác nhau gồm an sinh kinh tế - xã hội, liên kết xã hội, trao quyền xã hội và hòa nhập xã hội. Mỗi chiều cạnh tiếp tục được cụ thể hóa thành các chiều cạnh cụ thể hơn, là tiền đề cho việc phát triển

các thang đo nhằm đánh giá quá trình PTBV xã hội tại các địa bàn.

Trong số 5 cách tiếp cận trong nghiên cứu phát triển bền vững xã hội gồm: tiếp cận xem PTBV xã hội là một trụ cột, hay một mục tiêu độc lập của PTBV; tiếp cận xem PTBV xã hội như một thách thức, ràng buộc đối với kinh tế và môi trường; tiếp cận xem bền vững xã hội như điều kiện tiên quyết cho hệ thống kinh tế và môi trường; tiếp cận xem bền vững xã hội là tác nhân của những thay đổi về môi trường và kinh tế; và cuối cùng là cách tiếp cận tích hợp, bắt nguồn từ địa phương và quy trình về bền vững; bài viết đề xuất sử dụng cách tiếp cận tích hợp, coi PTBV xã hội là một trụ cột độc lập tương đối nhằm dành cho PTBV xã hội sự quan tâm thích đáng và được nghiên cứu trong tính chỉnh thể của nó.

Bài viết cũng đề xuất việc sử dụng các lý thuyết nhu cầu, vốn xã hội và chất lượng xã hội để nghiên cứu về PTBV xã hội một cách đầy

đủ, toàn diện. Theo đó, lý thuyết chất lượng xã hội là sự tích hợp các nhân tố của 2 lý thuyết còn lại, giúp phân tích, giải thích về PTBV xã hội, và đưa ra các chiều cạnh giúp đo lường PTBV xã hội trong các nghiên cứu thực nghiệm. Lý thuyết chất lượng xã hội vừa chú trọng bổ sung các luận cứ khoa học về PTBV xã hội, vừa thực hiện cả vai trò của trụ cột thứ 4 trong phát triển bền vững nói chung là đề xuất các ý tưởng chính sách xã hội trong thực tế (trụ cột thể chế).

Lý thuyết chất lượng xã hội phản ánh trạng thái PTBV xã hội ở từng chiều cạnh về an sinh kinh tế - xã hội, liên kết, trao quyền và hòa nhập xã hội. Thông qua mức độ đáp ứng các nhu cầu theo 4 chiều cạnh, lý thuyết này cũng phản ánh quá trình phát triển xã hội ở chỗ, các nhu cầu tương ứng với các chiều cạnh cấp cao hơn (trong tháp nhu cầu) càng được đáp ứng thì trình độ PTBV xã hội càng tốt hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Asadollahi, A., Ahmad, N., Valizadeh, S., & Baratvand, M. (2011). Social quality for aged people in Iran: Towards developing theoretical scale. *Canadian Social Science*, 7(6), 162–176. <https://doi.org/10.3968/j.css.1923669720110706.153>
2. Benaim, C. A., & Raftis, L. (2008). The Social Dimension of Sustainable Development: Guidance and Application: Thesis submitted for completion of Master of Strategic Leadership towards Sustainability, Blekinge Institute of Technology, Karlskrona, Sweden
3. Bourdieu, P. (1977). Cultural reproduction and social reproduction. In J. Karabel & A. H. Halsey (Eds.), *Power and Ideology in Education* (pp. 487–511). Oxford University Press.
4. Bourdieu, P. (1986). The forms of capital. In J. Richardson (Ed.), *Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education* (pp. 241–258). Greenwood.
5. Boyer, R. H. W., Peterson, N. D., Arora, P., & Caldwell, K. (2016). Five approaches to social sustainability and an integrated way forward. *Sustainability (Switzerland)*, 8(9). <https://doi.org/10.3390/su8090878>
6. Daly, H. E. (1992). U.N. conferences on environment and development: retrospect on Stockholm and prospects for Rio. *Ecological Economics: The Journal of the International Society for Ecological Economics*, 5, 9–14. doi:10.1016/0921-8009(92)90018-N
7. Deeming, C., & Smyth, P. (2018). *Reframing Global Social Policy: Social Investment for Sustainable and Inclusive Growth* (C. Deeming & P. Smyth (eds.); 1st ed.). Bristol University Press. <https://doi.org/10.2307/j.ctt1zkjzqg.8>

8. Farazmand, A. (2016). *Global encyclopedia of public administration, public policy, and governance*. Amsterdam: Springer International Publishing.
9. Granovetter, M. (1985). Economic action and social structure: The problem of embeddedness. *American Journal of Sociology*, 91(3), 481–510. <http://www.jstor.org/stable/2780199>
10. Kumar, S., Raizada, A., & Biswas, H. (2014). Prioritising development planning in the Indian semi-arid Deccan using sustainable livelihood security index approach. *International Journal of Sustainable Development & World Ecology*, 21, 4. Taylor and Francis Group. doi:10.1080/13504509.2014.886309.
11. Lin, K., & Herrmann, P. (2015). *Social quality theory: A new perspective on social development* (K. Lin & P. Herrmann (eds.); Issue July 2015). Berghahn Books. https://www.researchgate.net/publication/280580541_SOCIAL_QUALITY_THEORY_A_New_Perspective_on_Social_Development
12. Littig, B., & Griessler, E. (2005). Social sustainability : a catchword between political pragmatism and social theory. *Sustainable Development*, 8(1/2), 65–79.
13. Maesen, L. J. G. van der, & Walker, A. (2012). *Social Quality - From Theory to Indicators*. Palgrave Macmillan UK.
14. Malthus, T. (1798). *An Essay on the Principle of Population*. London: Oxford University Press.
15. Maslow, A. H. (1943). A theory of human motivation. *Psychological Review*, 50(4), 370–396. https://doi.org/10.1007/978-3-030-36875-3_12
16. Meadows, D. H., Meadows, D. L., Randers, J., & Behrens, W. W. (1972). *The Limits to Growth: A Report for the Club of Rome’s Project on the Predicament of Mankind*. New York, NY: Universe Books. <https://doi.org/10.1349/ddlp.1>
17. Pieper, R., Karvonen, S., & Vaarama, M. (2019). The SOLA model: A theory-based approach to social quality and social sustainability. *Social Indicators Research*, 146(3), 553–580. <https://doi.org/10.1007/s11205-019-02127-7>
18. Putnam, R.D.; Leonardi, R.; Nanetti, R.Y. *Making Democracy Work: Civic Traditions in Modern Italy*; Princeton University Press: Princeton, NJ, USA, 1993.
19. Saisana, M., & Philippas, D. (2012). Sustainable Society Index (SSI): Taking societies’ pulse along social, environmental and economic issues. In *JRC Scientific and Policy Reports* (Issue Report EUR 25578 EN). <https://doi.org/10.2788/6330>
20. Scopelliti, M., Molinaro, E., Bonaiuto, F., Bonnes, M., Cicero, L., De Dominicis, S., & Bonaiuto, M. (2018). What makes you a “hero” for nature? Socio- psychological profiling of leaders committed to nature and biodiversity protection across seven EU countries. *Journal of Environmental Planning and Management*, 61, 970–993. doi:10.1080/09640568.2017.1421526
21. Woodcraft, S. (2015). Understanding and measuring social sustainability. *Journal of Urban Regeneration and Renewal*, 8(2), 133–144.

Thông tin tác giả:

1. Phạm Thị Thu Phương, TS.

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng
- Địa chỉ email: ptp110@gmail.com

Ngày nhận bài: 13/9/2024

Ngày nhận bản sửa: 19/10/2024

Ngày duyệt đăng: 02/11/2024

2. Phan Thị Song Thương, TS.

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng.

3. Hạ Thị Thu Thủy, TS.

- Đơn vị công tác: Viện nghiên cứu Quản lý kinh tế trung ương.